UBND HUYỆN VIỆT YÊN

Biểu 88/CK-NS

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

Đơn vị: triệu đồng

STT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số	Trong đó													
			Quản lý hành chính	SN kinh tế	SN giáo dục	SN đào tạo	SN văn hóa	SN phát thanh	SN TDTT	SN y tế	Đảmbảo XH	Quốc phòng	An ninh	Môi trường	Chi khác	SN khác
	Tổng số	**533.581**	**34.125**	**43.595**	**336.215**	**2.034**	**4.339**	**1.390**	**2.037**	**22.074**	**62.449**	**8.113**	**949**	**4.382**	**3.908**	**7.969**
1	Văn phòng HĐND và UBND	7.101	7.101													
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	11.158	1.098	10.060	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Phòng Tư pháp	751	751													
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.613	1.613													
5	Phòng Kinh tế và hạ tầng	21.435	935	20.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	Phòng Giáo dục và đào tạo	2.962	1.262	-	1.700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Phòng Y tế	806	806													
8	Phòng Lao động TBXH	73.819	1.296	-	-	-	-	-	-	10.074	62.449	-	-	-	-	
9	Phòng Văn Hóa TT	1.180	1.180	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
10	Phòng Tài nguyên và môi trường	5.296	914	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.382	-	
11	Phòng Nội vụ	2.629	2.629	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
12	Thanh tra	1.024	1.024													
13	Văn phòng Huyện ủy	8.841	8.841													
14	Mặt trận Tổ quốc	1.219	1.219													
15	Hội phụ nữ	754	754													
16	Đoàn thanh niên	753	753													
17	Hội Nông dân	846	846													
18	Hội Cựu chiến binh	592	592													
19	Các hội đặc thù	511	511													
20	Trung tâm phát triển quỹ đất và CCN	733		733												
21	Đội TT GTXDMT	1.621		1.621												
22	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật Nông nghiệp	1.600		1.600												
23	Trung tâm Văn hóa thông tin và thể thao	7.766	-	-	-	-	4.339	1.390	2.037	-	-	-	-	-	-	
24	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	2.034				2.034										
25	Ban chỉ huy quân sự huyện	8.113										8.113				
26	Công an huyện	949											949			
27	Kinh phí phòng chống dịch	12.000								12.000						
28	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ mới	7.969														7.969
29	Kinh phí dịch vụ công ích thủy lợi (phân bổ cho các HTX dùng nước)	9.081		9.081												
30	Kinh phí sự nghiệp giáo dục (các đơn vị trường học)	334.515			334.515											
31	Chi khác	2.408													2.408	
32	Ngân hàng chính sách xã hội (cho vay người nghèo 1,2 tỷ + cho vay thanh niên khởi nghiệp 300 trđ)	1.500													1.500	